



Tập thể tác giả nhóm Cánh Buồm

Chương trình Giáo dục Hiện đại

Khoa học 5

NGƯỜI

**GIÁO DỤC TIỂU HỌC ỔN ĐỊNH VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**
**THÌ TOÀN BỘ NỀN GIÁO DỤC MỚI ĐƯỢC ỔN ĐỊNH,
MỖI GIA ĐÌNH ỔN ĐỊNH, CẢ XÃ HỘI CÙNG ỔN ĐỊNH.**

KHOA HỌC 5

© Nhóm Cánh Buồm

Sách này do nhóm Cánh Buồm tạo ra và cấp phép sử dụng theo giấy phép **Creative Commons Attribution-NonComercial-ShareAlike 4.0 International License (CC BY-NC-SA 4.0)**. Theo giấy phép này, mỗi người dùng hoặc phân phối lại cuốn sách dưới bất kỳ hình thức nào (dạng số hoặc dạng in) đều phải dẫn nguồn bản quyền của cuốn sách và giữ nguyên dòng “Tải về miễn phí tại <https://canhbuom.edu.vn/sachmo/>” trên mỗi trang tài liệu, hoặc trong trích dẫn trả tới trang kể trên.

Liên lạc:

Chương trình Giáo Dục Hiện Đại – Nhóm Cánh Buồm

Email: lienhe@canhbuom.edu.vn | Website: www.canhbuom.edu.vn

Chịu trách nhiệm bản thảo:

PHẠM TOÀN, DƯƠNG PHÚ VIỆT ANH

Biên tập:

NGUYỄN THỊ MINH HÀ

Hình ảnh:

Hình ảnh sử dụng trong sách này được chúng tôi lấy xuống từ Internet

CÙNG BẠN DÙNG SÁCH

Tổ chức học môn Khoa học trong nhà trường phổ thông để làm gì?

Mục đích học môn Khoa học ở nhà trường phổ thông là giáo dục trẻ em trước hết biết cách làm việc theo lối *thực nghiệm* và nhờ đó mà có *tư duy thực chứng*.

Làm việc theo lối thực nghiệm thì dễ hiểu, vì nó cụ thể. Dĩ nhiên, trong bộ sách này, việc hướng dẫn học sinh làm thực nghiệm sẽ phải phù hợp với độ tuổi và sức vóc các em.

Nhưng “tư duy thực chứng” là gì?

Tư duy thực chứng là cách suy nghĩ và xét đoán của *người chỉ tin vào cái thực*. Con người sống trong cái thực, hưởng thụ cái thực, nghiên cứu để làm ra cái thực. Tư duy thực chứng giúp con người chỉ tin vào cái có thực, cái có thực do mình làm ra được, cái có thực do người khác tạo ra được, không có đầu óc viển vông, mê tín.

Tư duy thực chứng vô cùng cần thiết cho con người trưởng thành và ngày càng phát triển trong lao động, trong học tập, và trong lối sống cả cuộc đời mình.

Theo lý tưởng đó, chương trình bộ môn *Khoa học sư phạm* của nhóm Cánh Buồm như sau:

Bậc Tiểu học: Học sinh biết *phương pháp học Khoa học* thông qua việc làm lại những thao tác nghiên cứu những *quy luật bên ngoài* dễ thấy của sự vật.

Chủ đề từng năm học của bộ sách Khoa học bậc Tiểu học:

Lớp 1 – Cách học môn Khoa học

Lớp 2 – Tự nhiên

Lớp 3 – Thực vật

Lớp 4 – Động vật

Lớp 5 – Người

Với hành trang hoạt động *thực nghiệm* và tư duy *thực chứng* đó, lên bậc Trung học cơ sở, học sinh sẽ nghiên cứu những *quy luật bên trong* của sự vật và những *ứng dụng* vào cuộc đời thực của con người. Đó sẽ là cơ hội để học sinh bắt đầu đi sâu vào Sinh học phân tử, Công nghệ sản xuất, Tư duy phát minh...

Khi dùng sách này cả ở trường cũng như ở nhà, xin chú ý nguyên lý sư phạm hiện đại mà nhóm Cánh Buồm chủ trương, đó là *không giảng giải* – chỉ tổ chức cho người học thực hiện các *việc làm* để tự người học rút ra điều cần có cho đời mình.

Những dòng chữ mang tính *sơ kết, kết luận* là định hướng tổ chức cho học sinh đạt tới, chứ không dùng để cho học sinh *học thuộc lòng*.

Sau hết, xin có điều lưu ý sau: Chúng tôi huy động những kỹ năng học được từ môn *Tiếng Việt* và *Văn* ở trình độ tương ứng vào nhiều mục *Luyện tập* ở sách Khoa học từ Lớp 1 đến Lớp 5. Những bài luyện tập theo cách đó vừa củng cố kỹ năng “liên bộ môn” vừa làm cho việc học thêm vui.

Chúc bạn dùng sách có kết quả.

Nhóm Cánh Buồm

LÁ THƯ ĐẦU NĂM HỌC GỬI CÁC BẠN LỚP 5

Các bạn học sinh Lớp 5 thân mến,

Chủ đề *Người* của môn Khoa học Lớp 5 gói lại bậc Tiểu học mà nhiệm vụ của bậc học này là *học phương pháp học*.

Vì vậy, năm nay các bạn sẽ tự thể hiện năng lực học có *phương pháp* vào việc nghiên cứu chủ đề *Người*.

Người, đó là chúng ta, và cũng là tất cả giống người.

Người, đó là động vật có xương sống và có vú, nhưng khác hẳn mọi động vật có xương sống và có vú khác. Chỗ khác biệt là ở phần *tinh thần* của *Người*.

Phần tinh thần đó hình thành và thể hiện ở ý thức người trong mọi hành vi và hoạt động của con người. Con người cũng thoát hoàn toàn khỏi thân phận động vật nhờ nó *sống với ý thức người*. Một ý thức hình thành trong *hoạt động người*.

Sách này còn đưa tới các bạn nội dung *Tâm linh Người* điều xưa nay chỉ được hiểu bằng kinh nghiệm. Năm nay, ở Lớp 5, nội dung *Tâm linh người* sẽ giúp các bạn nhận thức trọn vẹn về một con người hoàn thiện.

Xin tặng các bạn hình Stephen Hawking, biểu tượng về *Người-
thực thể tinh thần*, nhà bác học bị liệt cơ đã sống đầy đủ cuộc sống *Người* của mình.

Xin mời các bạn bắt đầu.



Thảo luận

1. Mỗi bạn ôn lại và nói ra một điều thú vị về học môn Khoa học.
2. Mời bạn ghi vở: Bạn đón chờ cách học môn *Khoa học Lớp 5* sẽ hứa hẹn điều gì mới mẻ thú vị?

BÀI ÔN TẬP

CÁCH HỌC MÔN KHOA HỌC

Để mở đầu, có một câu chuyện thế này.

Một nhà triết học cao tuổi thử thách trí khôn một em nhỏ vì nghe đồn em đó rất thông minh.

Nhà triết học chỉ lên bầu trời đầy sao, hỏi em:

- Cháu ơi, mắt ông kém, cháu đếm hộ ông xem trên trời có bao nhiêu ngôi sao?
- Thưa ông, vâng ạ.
Nhưng phiền ông đếm hộ cháu xem trên đầu cháu có bao nhiêu sợi tóc. Sau đó cháu sẽ dùng cách đếm của ông để đếm sao và sẽ có kết quả chính xác cho ông ạ!



Qua câu chuyện này, các bạn rút ra điều gì về cách làm việc của một nhà khoa học? Đi nhặt nhạnh từng kiến thức như đếm từng ngôi sao? Hay là đi tìm một phương pháp đếm sao trên trời?

Có hai cách làm việc, một cách theo *chủ nghĩa kinh nghiệm* và một cách có tên là *phương pháp khoa học*, các bạn sẽ chọn cách nào? Chắc các bạn sẽ chọn cách khoa học. Phương pháp khoa học được thực hiện bằng những việc làm gì?

Việc làm 1

Quan tâm khoa học

Phương pháp khoa học bắt đầu bằng một mối quan tâm của con người. Ở Lớp 1, khái niệm mối quan tâm khoa học nằm trong việc đặt câu hỏi Tại sao.

Nhà khoa học bao giờ cũng phải bắt đầu bằng sự quan tâm đến một điều gì đó. Khi đã quan tâm thì hay tự hỏi *Tại sao*.

Đứng trước một khu rừng, các nhà khoa học với những mối quan tâm khác nhau sẽ nêu những câu hỏi *Tại sao* khác nhau.

- Nhà Kinh tế học: Tại sao phải khai thác khu rừng này?
- Nhà Nghệ thuật học: Tại sao tiếng nói rì rầm êm ái của khu rừng này lại chưa thành âm nhạc, chưa thành phim?
- Nhà Sinh vật học: Tại sao ta chưa biết trong khu rừng này còn bao nhiêu động vật và thực vật? Còn bao nhiêu cây quý chưa giữ lại được gen di truyền?...



Các bạn tiếp tục nêu câu hỏi thể hiện mối quan tâm khoa học của nhà Sinh thái học, nhà Cổ sinh vật học, nhà Sử học, nhà Điều học, nhà khoa học Hình sự, nhà nghiên cứu Quy hoạch... và các nhà nghiên cứu khác nữa.

Việc làm 2

Quan sát đối tượng

Khi đã có mối quan tâm khoa học, ta sẽ có đối tượng nghiên cứu.

Đối tượng là gì? Từ Hán Việt đối tượng nghĩa là cái vật nằm ở trước mặt (đối diện). Nhà khoa học đưa cái vật mình phải nghiên cứu đến gần (đối tượng đối diện mình) để thực hiện công việc *quan sát*.

Một vật nghiên cứu có thể ở gần nhà khoa học. Khi đó, nhà khoa học có thể đến nghiên cứu tại chỗ. Đó cũng là cách kéo cho vật nghiên cứu đến trước mặt mình để *quan sát* cho kỹ *đối tượng* ấy.

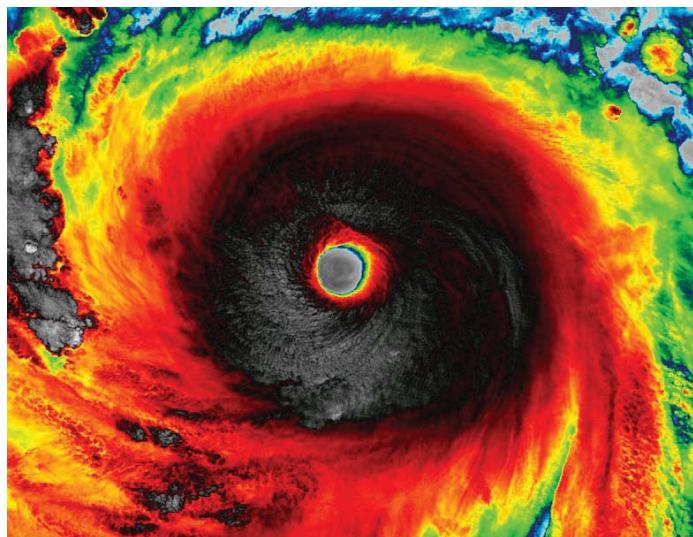
Có khi *đối tượng* nghiên cứu ở xa hoặc rất xa. Khi đó, nhà khoa học sẽ phải có công cụ để *quan sát* cho chính xác.

Đây là vài ví dụ.

Nhà Điều học nghiên cứu cách sinh sống của một loài chim. Kính viễn vọng (kính nhìn xa) giúp theo dõi bầy chim – *đối tượng* nghiên cứu của mình. Kính viễn vọng dùng ở nhà trường cũng có thể giúp bạn nhìn thấy bề mặt của Mặt trăng với những biển chết và núi lửa tắt...



Còn vệ tinh nhân tạo của Trái đất giúp nhà Khí tượng học theo dõi sự hình thành các trận bão với con mắt bão xoáy hình ngược chiều kim đồng hồ như hình bên (trận siêu bão Maysak năm 2015 đổ bộ vào nước Philippines).



Công cụ nghiên cứu và quan sát có khi còn là những bộ câu hỏi điều tra. Khi học viết đoạn văn và bài văn ở Lớp 4, các bạn đã quen với việc tự làm ra bộ câu hỏi đó. Bộ câu hỏi đó cũng luôn luôn đi đôi với các máy móc, dụng cụ nghiên cứu, quan sát.

Việc làm 3 Đề tài nghiên cứu

Theo cách học ở nhà trường, chúng ta tách từng việc làm ra cho dễ học. Thực ra trong hoạt động của nhà khoa học, ba việc làm 1, 2 và 3 không tách rời nhau. Đây là một ví dụ dễ hiểu:

Có một vườn cam như dưới đây. Xoay quanh cái gốc cam đó có vô khối điều làm sáng tỏ *Phương pháp học môn Khoa học* chúng ta đang làm.



Các bạn ăn cam hàng ngày. Bạn quan sát và ngẫm nghĩ vì sao các vị cam lại khác nhau? – mối quan tâm khoa học và công việc quan sát đối tượng đã cùng sinh ra trong đầu óc chúng ta.

Mỗi quan tâm khiến bạn tiếp tục quan sát, và càng quan sát càng củng cố mối quan tâm của bạn. Đề tài nghiên cứu sinh ra từ đó.

Vậy là, cũng vẫn xung quanh cây cam, có thể có những đề tài như:

- Phương pháp bón phân cho cam tiết kiệm mà sản lượng cao?
- Phương pháp tưới cây cam tiết kiệm thời giờ và tiết kiệm nước tưới?

- Nghiên cứu những loài sâu hại đối với cây cam và cách trừ sâu hại cam không dùng đến hóa chất độc hại cho người ăn cam?

Và còn vô số đề tài nghiên cứu nữa của nhà nghiên cứu di truyền học xoay quanh giống cam, của nhà kinh tế học về tiêu thụ cam khi đã vào mùa cam chín rộ, về bảo quản hoặc chế biến cam sau thu hoạch...

Những mối quan tâm bắt nguồn từ *quan sát* – những kết quả quan sát, nghiên cứu ngày càng kỹ lại củng cố cho *mối quan tâm bền vững hơn* – điều đó dẫn đến những *đề tài nghiên cứu*.

Đề tài nghiên cứu phải *cần thiết cho cuộc sống* và cũng phải có *tính thực thi cao* – hai điều kiện không thể thiếu. Các bạn hãy tự lý giải vì sao đề tài nghiên cứu phải thiết thực và điều đó có liên quan gì đến việc thực thi.

Việc làm 4

Thực nghiệm khoa học

Khi đã hình thành đề tài nghiên cứu khoa học, nhà khoa học có nhiều công việc phải làm: để (1) chứng minh ý tưởng và đề tài khoa học của mình không sai; (2) làm ra kết quả cho thấy ý tưởng và đề tài khoa học đó còn cần bổ sung những gì cho hoàn thiện; và (3) cho thấy có thể nhân rộng kết quả ra khắp nơi, và làm lợi cho cuộc sống.

Một trong những việc ở từng khâu công việc nêu trên nhất thiết phải là công việc *tiến hành thực nghiệm*. Không thực nghiệm thì mọi việc mới chỉ dừng lại ở trình độ một ý tưởng.

Có khi đó là một ý tưởng vu vơ muôn đời không thành hiện thực. Ví dụ, ý tưởng làm cho mỗi hạt thóc to bằng quả táo! Hoặc ý tưởng làm cho con voi bé như con chuột để người lớn và trẻ em dắt đi chơi!

Có khi đó là một ý tưởng bị coi là vu vơ nhưng nhờ thực nghiệm mà thấy rõ đó là ý tưởng có giá trị khoa học thực sự. Chuyến đi thám hiểm tìm ra châu Mỹ là một thực nghiệm xem Trái đất có đúng là hình cầu không.

Có khi đó là một ý tưởng đúng đắn nhưng chưa đầy đủ. Qua thực nghiệm, điều đúng đắn sẽ càng ngày càng thêm đúng đắn, những khiếm khuyết được sửa chữa.

Những chiếc máy bay đầu tiên thô kệch của anh em nhà Wright sẽ dẫn đến những chiếc máy bay càng ngày càng tối tân như chúng ta thấy ngày hôm nay.



Một trong hai anh em Wright đang kiểm tra mức độ hư hại của máy bay Wright Flyer sau một lần thử thất bại

Đặc biệt đối với những đề tài nghiên cứu sẽ dẫn đến những công trình kỹ thuật, qua thực nghiệm sẽ lộ ra những khuyết và chúng sẽ được bổ khuyết để ý tưởng khoa học càng ngày càng hoàn thiện.

Công việc thực nghiệm ban đầu cho một ý tưởng sẽ được thực hiện dưới dạng *phòng thí nghiệm* ở trong phòng kín và có khi là phòng thí nghiệm ở ngoài trời.



Nhưng dù ở trong phòng kín hay ngoài trời, nhất thiết phải bảo đảm điều kiện *vô trùng* hay có thể dùng từ *thuần khiết*. Tại sao phải vô trùng hoặc phải thuần khiết? Nhằm đảm bảo kết quả không bị sai lệch.

Sau công việc thực nghiệm ban đầu này, sẽ là thực nghiệm để phát triển kết quả khoa học trên diện rộng.



Cả chuỗi công việc đó được gọi là *khoa học gắn với cuộc sống* và công việc của nhà khoa học được bám rẽ trong mảnh đất *thực chứng*.

Công việc thực nghiệm khoa học là bắt buộc đối với nhà khoa học.

Nó bảo đảm kết quả khoa học có thể *kiểm chứng* được, và nó cũng bảo đảm cho đạo đức của nhà khoa học.

Đạo đức của nhà khoa học và của mọi công trình khoa học là *Nghi thật - Làm thật - Sản phẩm thật*.

Luyện tập tự sơ kết cuối bài

Thảo luận

- Trước một hình ảnh em bé mới ra đời, hình ảnh trẻ em vui chơi... như trong các hình bên dưới, các bạn hình dung chính bạn trong vai một nhà khoa học (Y học, Di truyền học, Giáo dục học, Lịch sử Nghệ thuật, v.v...) bạn có mối quan tâm gì và có đề tài nghiên cứu như thế nào? Mỗi bạn nêu và giải thích về một đề tài bạn chọn.



- Các bạn đọc lướt nhanh tên các bài sắp học cho đến cuối năm học và cho biết bạn nghĩ gì về điều này: Đích đến của nghiên cứu khoa học là Con Người. Tại sao lại nói như vậy? Mỗi bạn hãy trả lời *chỉ bằng một câu*. Đọc trước lớp câu trả lời đã nghĩ kỹ và viết sẵn của mình.
- Tự ghi vở về một ý nghĩ hoặc những ý nghĩ có thể còn lộn xộn của bạn xung quanh chủ đề *Cách học khoa học*.

**Mời các bạn học tiếp chủ đề lớp 5
nghiên cứu về Người**

BÀI 1

CÁC CÁCH TÌM KHÁI NIỆM NGƯỜI

1. Tại sao phải có định nghĩa về Người?

Người là gì? Câu hỏi đó được tất cả loài người nêu ra từ lâu. Một câu hỏi rất khó trả lời nhưng chúng ta phải cùng nhau tìm được câu trả lời đầy đủ nhất có thể.

Tại sao về mặt khoa học chúng ta cần đến một định nghĩa đúng về Người?

Vì người là động vật, nhưng lại là hạng động vật đặc biệt.



Động vật cả! Nhưng người khác những gì?

Những kết quả giải phẫu và những bằng chứng khảo cổ đã giúp chúng ta biết chắc người là động vật có xương sống, lớp có vú và có hệ thống thần kinh rất phát triển.

Vì vậy, cần hiểu thật rõ về Người để thấy nó khác hẳn như thế nào với các động vật cũng thuộc hệ có xương sống, lớp có vú và có hệ thống thần kinh. Đó không thể chỉ là một bộ xương phục dựng rất công phu ở bảo tàng.

Sự hiểu biết đó sẽ dẫn tới những cách đối xử với người để con người có cuộc sống hạnh phúc.

Chẳng hạn, con người sẽ phải khác hẳn động vật trong cách nuôi con và dạy con. Con của con người sẽ được nuôi dưỡng để phát triển có ý thức chứ không chỉ có những kỹ năng sống nhờ phản xạ có điều kiện và theo cách bắt chước lặp đi lặp lại như vẫn có ở nhiều động vật bậc cao (khỉ, hổ, báo, sói, chó, mèo...).

Hiểu biết kỹ về Người còn giúp cho con người có lối sống mới, loại bỏ hoàn toàn chiến tranh khỏi đời sống loài người. Để toàn bộ nguồn lực và năng lượng của con người sẽ chỉ tập trung vào việc bảo đảm đời sống hạnh phúc bền vững.

Thế nhưng sự hiểu biết về Người vẫn chưa như mong muốn.

2. Cách định nghĩa bằng tư duy kinh nghiệm

Khi con người vẫn còn dùng tư duy kinh nghiệm thì khó trả lời đầy đủ câu hỏi Người là gì? Chỉ bằng kinh nghiệm, con người chỉ nhìn xa không quá hàng rào và bờ tường ngôi nhà mình, không quá lũy tre và cánh đồng làng xóm của mình.

Tư duy kinh nghiệm khi đó chỉ thấy người là những ai khi nhỏ thì đi bằng bốn chân, rồi lớn lên đi bằng hai chân, về già thì chống cây gậy để đi bằng ba chân, rồi chết.



Tư duy kinh nghiệm chỉ thấy những tiếng cười và tiếng khóc vô cớ cùng những tiếng cãi nhau, những vụ tranh chấp... rộng ra là những cuộc chiến tranh, và thế là hết. Chưa kể là tư duy kinh nghiệm



cũng không có mối quan tâm đi tìm và tìm ra những điều gì chung nhất của mọi con người xa hơn nhà mình, xa hơn làng mငh... sang tận các châu lục khác nữa. Tức là đến với *loài người*.

Cũng theo tư duy kinh nghiệm, trong cuộc sống từng có những định nghĩa về Người thông qua những lời khuyên. Chỉ dừng lại ở kinh nghiệm thì thế hệ con cái không vượt xa hơn thế hệ mẹ cha.

Tiếc thay, các nhà bác học thế hệ cũ cũng vẫn chưa đưa ra được định nghĩa đầy đủ về Người - và thường khi còn dừng lại ở định nghĩa nửa khoa học hoặc giả khoa học!

3. Cách định nghĩa qua dấu hiệu bên ngoài

Đến một thời, loài người đã thoát ra khỏi cuộc sống mông muội...

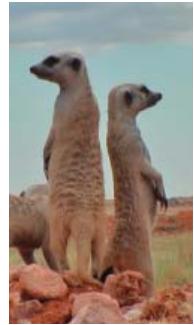
Lịch sử văn hóa - văn minh xưa nay vẫn quen kể câu chuyện nhà triết học Diogen tham gia phản biện lại các nhà triết học khác đang đi tìm định nghĩa về *Người là gì* bằng con gà bị vặt trui lông.

Chuyện như sau. Mấy nhà triết học kia tranh cãi chán chê rồi đưa ra định nghĩa: Người là động vật đi bằng hai chân và không có lông vũ.

Ông Diogen chơi khăm, lảng lặng vặt trụi lông một con gà và quẳng nó ra trước mặt các học giả đang bầy tỏ mối quan tâm khoa học của họ về đề tài nghiên cứu *Người là gì?*



Cách định nghĩa như của các nhà triết học rảnh rỗi đó chỉ mang tính hình thức. Con chồn man-gút cũng đứng rất vững trên hai chân để canh cho bầy đàn ngủ yên hoặc kiếm ăn - và chồn man-gút dĩ nhiên không có lông vũ.



Ở rạp xiếc, người ta dạy chó đi bằng hai chân, không những thế, chó còn biết chơi bóng nữa. Và chó cũng không có lông vũ!



Vậy *Người là gì* là câu hỏi cần có cách trả lời khác! Cần phải có những tài liệu thực chứng đủ sức cưỡng lại những bác bέ khó tính nhất.

Luyện tập về các cách định nghĩa khái niệm

1. Thảo luận: Có người định nghĩa *Tự học là gì* như sau: Tự học là ngồi vào góc học tập, không trò chuyện với mọi người, không nghe nhạc và không đọc truyện... trước mặt có đầy đủ sách vở.

Theo ý bạn định nghĩa *tự học là gì* như vậy có đúng không? Tại sao đúng và tại sao không đúng? Bạn cho định nghĩa đúng theo ý bạn.

2. Thảo luận: Tình yêu âm nhạc là thuộc các nốt nhạc đô re mi pha son, là chăm đi xem biểu diễn và cố xin chữ ký ca sĩ...

Định nghĩa như vậy đúng hay sai? Bạn cho định nghĩa đúng theo ý bạn.

3. Thảo luận: Tình thần thể thao và tình yêu bóng đá thể hiện ở việc hò reo cổ vũ các trận có đội bóng chủ nhà, nếu thắng thì phải cùng mọi người xuống đường hô to *Việt Nam vô địch...* Định nghĩa như vậy đúng hay sai? Bạn cho định nghĩa đúng theo ý bạn.

4. Thảo luận: Các bạn có thể dạy cho con chó đứng thẳng trên hai chân sau và chắp hai chân trước chào bạn mỗi khi bạn đi học về không? Phương pháp dạy kỹ năng cho chó như thế đã được các bạn học ở môn học nào, bài nào và ở lớp mấy? Tên gọi phương pháp đó là gì?

5. Thảo luận: Nên gọi cách định nghĩa *Người là động vật có hai chân và không có lông vũ* là định nghĩa giả khoa học hay là định nghĩa nửa khoa học? Giải thích vì sao bạn chọn cách chê lỗi định nghĩa đó.

**Vậy, định nghĩa Người
sao cho đầy đủ?**

BÀI 2

NGƯỜI LÀ ĐỘNG VẬT BẬC CAO

Người là một động vật bậc cao, mỗi cá thể có hai mặt vật chất và tinh thần hòa nhập làm thành một thực thể duy nhất.

Trong bài học này, trước hết các bạn sẽ đi tìm những chứng cứ cho thấy con người là một động vật bậc cao.

Chứng cứ nằm ở hai vùng: Kết quả giải phẫu và di tích khảo cổ.

1. Chứng cứ giải phẫu

Những chứng cứ giải phẫu đã được thu thập đầy đủ và thuyết phục trong thời hiện đại.

Nói vậy, vì nhiều chứng cứ cũng đã được thu thập từ khi các thầy thuốc chữa cho những đấu sĩ bị thương. Ngay lúc đó, họ cũng đã nhận ra nhiều nét động vật học khi giải phẫu người và các con vật khác.

Họ đã nhận ra động vật người có cấu tạo cơ thể gồm đầu, mình và các chi. Họ cũng nhận ra trong thân người có các cơ quan nội tạng. Họ cũng nhận ra trong toàn bộ thể xác người cái hệ thống dễ nhận ra nhất là hệ tuần hoàn. Vết thương ở các bộ phận khác nhau trên cơ thể đều gây ra chảy máu như nhau.

Có thể họ còn mơ hồ nhận ra dù chưa giải phẫu được hệ thần kinh người: Bị gãy chân kêu đau, bị thương ở tay cũng kêu đau, bị đâm lòi ruột cũng kêu đau. Sao nhanh và chính xác đến thế!

Sang thời hiện đại, với cách dùng tia X người ta có thể nhìn thấu cơ thể người. Có thể nhìn thấu một khúc xương người, và có thể nhìn thấu cả một hệ thống xương người.



Dùng cách siêu âm, người ta nhận được hình ảnh của các nội tạng và thấy chúng đang hoạt động ra sao. Còn có thể soi để biết người sắp thành bà mẹ trẻ sẽ cho chào đời một bé trai hay một bé gái.



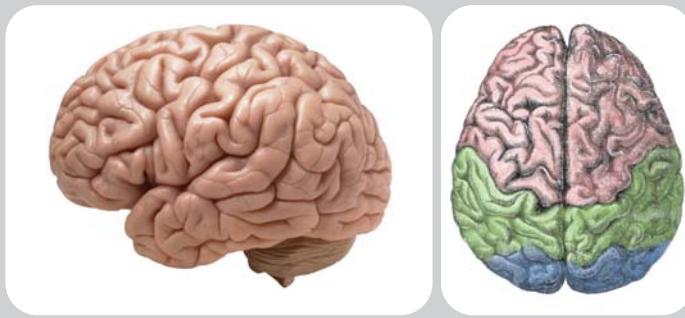
Nhưng thành tựu giải phẫu quan trọng bậc nhất xác định người là động vật bậc cao nằm ở việc giải phẫu não người. Cái báu vật đó của người cho thấy Người đúng là động vật bậc cao nhưng lại là cao nhất trong các loài.

Ngoài yếu tố di truyền ra, não người thường được biết là nơi quyết định độ thông minh của con người, quyết định phản xạ, cách thức con người hành động, và từ đó điều khiển mọi bộ phận cơ thể thực hiện những quyết định đó.

Não người chứa 86 tỉ nơ-ron thần kinh và rất nhiều tế bào não khác. Khối lượng và trọng lượng não người ở đàn ông hơi lớn hơn của phụ nữ một chút.

Ngày xưa, người ta thường nghĩ rằng trí thông minh phụ thuộc vào kích thước của não (nghĩa là não càng to càng thông minh và ngược lại). Nhưng khi mổ não của nhà thiên tài của mọi thời đại Albert Einstein, não của ông không quá to. Từ đó đã có nhiều nhà nghiên cứu đã thí nghiệm và đã kết luận: Một não thông minh tùy thuộc vào khả năng giao tiếp giữa các tế bào thần kinh, độ nhanh của các tín hiệu lan truyền trong não.

Với chức năng phản xạ, não giúp con người có cảm nhận tốt hơn về mọi thứ xung quanh và giúp con người ứng biến với mọi việc trong cuộc sống. Có hai loại phản xạ: Phản xạ không có điều kiện vốn đã tồn tại sẵn trong não, có thể được não triển khai ngay lập tức; còn phản xạ có điều kiện lại đòi hỏi não cần phải thích nghi và rèn giũa trong một trường hợp nhất định mới có thể sử dụng được.



Những chứng cứ giải phẫu được khớp với những chứng cứ khảo cổ sẽ càng xác định thêm: Người là động vật, và là động vật bậc cao, và còn là cao nhất trong bậc cao!

2. Chứng cứ khảo cổ

Đem so sánh những chứng cứ giải phẫu hiện đại với những dấu tích khai quật khảo cổ học, người ta thấy có sự giống nhau giữa động vật người hiện đại với những động vật người tiền sử. Nó cho thấy sự tiến hóa của giống người.

Con người được sinh ra từ rất lâu trên trái đất chúng ta đang sống. Tuổi của con người ít ra đã vài triệu năm. Có thể tin được điều đó không?

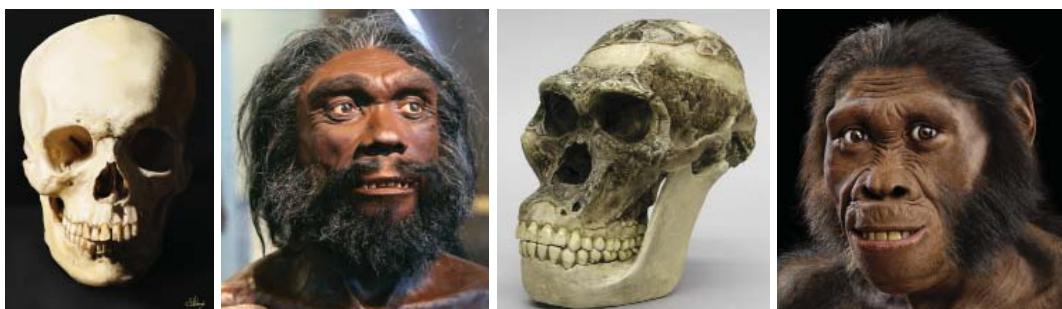
Đã có cách để đo tuổi của các di tích khảo cổ học.

Nhà bác học Willard Libby (giải thưởng Nobel hóa học năm 1960) phát minh “phương pháp đo thời gian bằng đồng vị phóng xạ”. Phương pháp cho kết quả tin cậy trong dải niên đại từ 300 đến 60.000 năm, và “thước đo” ấy có thể sai lệch từ 2.000 năm đến 4.000 năm.

Nếu bây giờ bạn tìm thấy mảnh xương người ở một hang động nào đó, bạn có thể dùng phép đo này và biết khá chắc đó là mảnh xương người sống cách đây bao nhiêu năm.

Vì thế chúng ta biết khá chắc về những khai quật người vượn Bắc Kinh Homo Erectus Pekinensis ở Chu Khẩu Điểm gần Bắc Kinh, Trung Hoa năm 1921, về người vượn Néanderthalensis ở châu Âu, về người vượn Australopithecus tìm thấy ở châu Phi năm 1924 và niên đại được xác định khoảng 4 triệu năm trước Công nguyên...

Còn ở Việt Nam những khai quật dấu vết người vượn ở Bắc Sơn (Lạng Sơn) và người vượn Hòa Bình (ở Hòa Bình) cũng có tuổi rất cao.



Người vượn Bắc Kinh

Người vượn Australopithecus

Xương sọ và phục dựng gương mặt người theo hình dạng của xương sọ

Luyện tập và tự sơ kết

1. Thảo luận: Cùng nhau nhắc lại và bổ sung những chứng cứ về sự hiểu biết cơ thể người bằng những trải nghiệm của mình. Bạn đã trải nghiệm về y tế và sức khỏe ở nhà và ở bệnh viện nhờ đó hiểu biết chính cơ thể mình như thế nào?
2. Thảo luận: Trải nghiệm trong đời sống và từ đó kiểm nghiệm phương pháp làm việc khoa học của mình khác với việc cắm cúi tin vào kinh nghiệm như thế nào? Cho ví dụ.
3. Thảo luận: Cùng nhau nhắc lại và bổ sung những chứng cứ về khảo cổ để nhận rõ người là động vật bậc cao.
4. Các bạn có nghĩ là mọi bí mật về cuộc sống và của con người đều có thể khám phá không? Khám phá theo lối kinh nghiệm hay theo phương pháp nào khác? Bạn cho biết bạn đã dần dần có niềm tin khoa học nhờ phương pháp khoa học như thế nào?
5. Bạn tự ghi vở bằng cách viết đoạn văn năm câu theo một chủ đề do bạn tự đặt ra để sơ kết những điều đã học cho tới lúc này.

Mời các bạn học tiếp!

BÀI 3

MẶT VẬT CHẤT CỦA NGƯỜI

Mở đầu

Ngay từ định nghĩa ban đầu ở đầu Bài 2, khái niệm Người được xác định rành rọt rằng: “*Người là một động vật bậc cao, mỗi cá thể có hai mặt vật chất và tinh thần hòa nhập làm thành một thực thể duy nhất*”.

Nếu đọc lướt các bài sắp học, chúng ta sẽ thấy có bài về *mặt tinh thần của người*. Nội dung bài đó sẽ nói đến cái *tinh thần* của người ở những nội dung khác.

Nhưng điều đó không có nghĩa là chúng ta bỏ qua *mặt vật chất* của người trong bài sắp học về *mặt vật chất* của người.

Mặt vật chất của người ở bài học này liên quan đến việc *duy trì sự sống* của người như cuộc sống của bất cứ sinh vật nào.

Mặt tinh thần của người xét theo nội dung bài học này liên quan đến việc con người có ý thức đối với *mặt vật chất* của đời người.

Điều đó bổ sung cho bài trước về việc xác nhận con người là động vật bậc cao, nhưng là bậc cao đặc biệt khác hẳn muôn loài.

1. Ý thức về cơ thể của mình

Bạn hãy quan sát một con mèo khi đứng trước một tấm gương soi. Bạn hãy quan sát tiếp một con người đứng trước gương soi. Bạn hãy so sánh sự khác nhau giữa hai cảnh đó.



Con mèo thì tìm hiểu cái vật đang cử động trong gương. Nó chỉ quan tâm đến những vật đang cử động. Đó có thể là con mồi cho nó hoặc là con vật săn sàng tranh mồi của nó. Con mèo trong gương lại không có mùi của động vật đã được giống loài mèo ghi trong bộ nhớ bản năng sống của nó. Nên nó không tấn công con mèo trong gương. Nó không biết nên làm gì cả. Với nó, có hay không có cái gương cũng vậy thôi!

Còn con người đứng trước tấm gương thì khác. Con người cần có tấm gương trong cuộc sống của mình. Con người đứng trước gương để *tự ngắm mình*. Con người không chỉ tự ngắm cái khung vật chất là cơ thể của mình. Con người còn ngắm cả *phần tinh thần* của mình nữa. Chính phần tinh thần này mới làm nên thực thể người trọn vẹn. Nhưng đó sẽ là nội dung bài sau.

Việc *tự ngắm* cũng có thể được diễn đạt là *sự tự ý thức* hoặc là *sự tự soi mình*.

Con người sẽ có những điều gì cần phải tự ý thức về cái khung vật chất là cơ thể của mình?

Trước nhất và trên hết là ý thức được vẻ đẹp của nó.

Vẻ đẹp của cơ thể trong sự phát triển lành mạnh. Lành mạnh để sống bình dị mỗi ngày và tạo ra cái Đẹp cơ thể vĩnh cửu cho thế giới này.

Con người hạnh phúc là con người đẹp. Và con người nào cũng đẹp hoặc có thể đẹp. Không phải cái đẹp nhờ nâng mũi, nối mi, tạo má lúm. Cái đẹp cơ thể do biết chăm sóc bằng rèn luyện.



2. Ý thức về dinh dưỡng cho cơ thể

Để nuôi sống cơ thể cho nó phát triển lành mạnh cần có dinh dưỡng. Dinh dưỡng không chỉ có nghĩa là ăn, ăn và ăn.

Ăn mới chỉ liên quan đến bộ máy tiêu hóa trong cơ thể người.

Bộ máy hô hấp cũng tạo ra dinh dưỡng – phải có ý thức về sự thở sâu, để dùng hết công suất các phế nang. Ai ai cũng vẫn thở, nhưng không phải ai ai cũng biết thở đúng cách – vì vậy, phải học thở và luyện thở hằng ngày, mọi lúc mọi nơi, trừ khi ngủ.



Thở sâu... thư thái và giúp tạo ra nhiều máu, tăng cường hệ thần kinh

Hệ thống tuần hoàn đem các chất dinh dưỡng từ thức ăn và từ sự thở đi khắp cơ thể. Hệ thống thần kinh mạnh khỏe nhờ luyện tập và hưởng chất dinh dưỡng đầy đủ, sẽ đủ sức giúp cơ thể người tiếp nhận cả những dinh dưỡng tinh thần cho con người.

Vì dinh dưỡng không chỉ là ăn thức ăn vật chất. Còn là phần tinh thần của việc ăn ngay khi con người ăn một cách vật chất để nuôi sống phần vật chất của cơ thể người.

Con người sẽ không ăn như động vật, đói thì ăn, ăn cho thỏa thích, ăn tranh của đồng loại, có khi còn ăn tranh của con cái.

Con người sẽ không theo cách ăn của lòng tham. Ăn mà không biết mình ăn gì. Ăn mà không biết đồng bào và đồng loại mình có đủ ăn hay đang thiếu đói.

Ăn mà không biết ngon là gì là phí phạm sự dinh dưỡng.

Chớ nên quên bữa cơm ngon của quê nhà. Bữa ăn đầy đủ dinh dưỡng và ngon lành từ cây nhà lá vườn. Bữa ăn ngon có đầy đủ ông bà và cha mẹ, có anh em chị em. Món ăn ngon không bằng người ăn cùng nhau cùng thấy ngon.



Không khí của bữa ăn ngon sẽ giúp tinh thần sảng khoái – sự sảng khoái cũng là thành phần của dinh dưỡng.

3. Ý thức về bệnh tật đối với cơ thể của mình

Bệnh tật là một yếu tố tàn phá phần vật chất (và cả phần tinh thần) của cơ thể người.

Ý thức người dặn chúng ta rằng đừng khinh thường bệnh tật nhưng cũng đừng sợ bệnh tật.

Sống có ý thức thì tránh được vô số bệnh.

Có bệnh do vi trùng mang tới, thì ý thức người sẽ dặn chúng ta tránh xa các ổ vi trùng. Hoặc tạo sự vệ sinh sạch sẽ để khó có ổ vi trùng nào lọt được vào cuộc sống vật chất của cơ thể chúng ta. Nếu có ổ vi trùng, thì cùng nhau tẩy uế.

Phòng bệnh hơn chữa bệnh, khẩu hiệu đó chớ khi nào quên!

Phòng bệnh do đường ăn uống đưa tới là điều cần cảnh giác hơn cả. Vì sự tham lam ở mỗi cá nhân thường thể hiện ở cái miệng thích ăn. Ăn do quảng cáo hấp dẫn, cưỡng không nổi. Ăn do thèm thuồng, no rồi vẫn ăn. Ăn do hiếu kỳ muốn nếm của lạ.

Bệnh tật vẫn cứ đến với con người, ngay cả với người cẩn thận nhất.

Khi ấy, đừng sợ bệnh. Ý thức người sẽ nâng cao niềm tin con người có thể chữa được bệnh tật cho con người.

Nhưng này, đây mới là một loại bệnh của thời hiện đại mà ý thức người muốn nhắc các bạn: Đừng mắc *bệnh vô cảm!* Vô cảm dẫn đến chết và thương tích vì tai nạn giao thông, tai nạn lao động. Vô cảm dẫn đến lây lan bệnh tật và tệ nạn xã hội. Đừng bao giờ để cho sự vô cảm lấn lướt ý thức người!

Kỹ năng sống của nhà khoa học nhỏ Lớp 5

Có một điều quan trọng ở quãng tuổi Lớp 5 các bạn có thể gấp (có bạn gấp muộn hơn) nhưng nội dung của nó gắn với Bài 3 đang học, nên cần nói ngay.

Đó là hiện tượng *khủng hoảng cơ thể đang lớn*.

Cơ thể bạn đang lớn. Nó cần máu lưu thông nhiều hơn để cơ thể được cung cấp dưỡng khí nhiều hơn. Nhưng do các bạn không chịu tập thể dục, hoặc tập thể dục lấy lệ, và nhất là tập không đúng cách nhất là *trong cách thở*, nên nhiều khi bạn cảm thấy đau đau ở vùng ngực.

Đừng nghĩ là bạn bị bệnh đau tim nhé! “Đau tim” là một cách nói theo kinh nghiệm. Và cũng chỉ dựa vào kinh nghiệm nên mới nói đến “bệnh” đau tim. Không nên nói đó là *bệnh* vì nó không do vi khuẩn gây ra. Như bệnh lao phổi là do vi trùng Koch (tên gọi theo bác sĩ Koch là người tìm thấy vi trùng đó). Như bệnh phong (cùi, hủi) là do vi trùng Hansen (cũng theo tên gọi của bác sĩ Hansen).

Lý do thứ hai, nếu ai đó bị chứng tim mạch, thì nó không gây đau. Không thấy đau hoặc chưa thấy đau cho tới khi chứng đó gây co thắt ở ngực hoặc tắc nghẽn mạch máu. Khi đó thì đã có Khoa Tim Mạch xử lý. Và xử lý nhẹ nhàng, dễ dàng, chẳng có gì đáng lo hết!

Còn bình thường, việc “đau tim” của bạn sẽ qua rất nhanh nếu bạn chịu *vận động và thở sâu*. Đừng nghe những lời khuyên do kinh nghiệm mà uống thuốc, vừa gây thói quen mê tín thuốc, vừa tốn tiền của cha mẹ.

Nhắc lại: Hãy *vận động nhiều* – ra công viên, ra nơi thoáng đãng. Con nhà nghèo từ nhỏ đã đi kiếm củi, đã ra đồng mót lúa, đã lên đồi mót sắn, đã theo người lớn ra bãi biển khuân vác cá giúp mẹ cha...

chẳng mấy khi bị “đau tim” như những cô cậu ngồi lì ở giữa bốn bức tường, chỉ có bạn là màn hình máy tính.

Khủng hoảng cơ thể đang lớn đói khi cũng gây những cơn đói. Khi đó, hãy ăn nhiều hơn một chút chẳng sao. Nhưng đừng ăn tham và đừng ham mê tẩm bổ. Khi đó chỉ vì sợ bị bệnh “đau tim” mà rơi vào chứng béo phì.

Chính chứng béo phì sẽ gây ra tắc nghẽn mạch máu và xơ vữa động mạch. Lúc đó mới là mắc “bệnh đau tim” thực sự!

Các bạn nhớ: Giải pháp tránh khủng hoảng cơ thể phát triển là *vận động và thở sâu* – không chỉ thở sâu khi tập, thỉnh thoảng thở sâu ngay cả khi đang ngồi học. Trước khi trả lời câu hỏi khó của cô giáo, hãy hít thở sâu, bạn sẽ thấy hiệu quả tức thời!

Luyện tập

Thảo luận và tùy chọn đề tài để thuyết trình trước lớp:

- Có ý kiến cho rằng con người bắt đầu sự trưởng thành khi có ý thức về cơ thể của mình.

Bạn nghĩ gì về điều đó?

- Cách ngôn nước ngoài có câu: “*Một tâm hồn lành mạnh bên trong một cơ thể lành mạnh*”.

Bạn nghĩ gì về điều đó? Tại sao sách này lại để bài về *phân vật chất* của người lên trước bài về *phân tinh thần* của người?

3. Bạn nghĩ gì về những bức tượng cổ Hy Lạp về vẻ đẹp cơ thể người?

4. Tại sao trong sách này không dạy các hình vẽ cơ quan tiêu hóa, cơ quan hô hấp, hệ thống tuần hoàn... mà lại gộp chung thành mục *dinh dưỡng*?

5. Có một căn bệnh vô cùng nguy hiểm không do vi trùng gây ra, cũng không lây lan do virút, đó là căn bệnh gì? Bạn hãy lập luận và nói về bệnh đó.

6. Bạn có nhận thấy vận động viên thể thao thường ăn mặc giản dị chứ không ăn mặc “đẹp” (chú ý “đẹp” trong ngoặc kép) như những người khác. Bạn cho ý kiến về điều đó.

7. Bạn có ý kiến gì về những cuộc thi sắc đẹp?

Luyện tập vui về kỹ năng sống

Trong lớp và ở gia đình bạn có một hoặc vài bạn gái hoặc em gái, chị gái thích làm dáng. Thái độ bạn nên thế nào và tại sao chọn thái độ đó:



Giỗ cợt

Tôn trọng

Mặc kệ

BÀI 4

MẶT TINH THẦN CỦA NGƯỜI

Bạn hãy nhìn vật hoa này. Bạn thấy thích hay không thích? Việc thể hiện yêu, ghét, thích, hờ hững, hiểu, không hiểu, nhớ, quên... với mọi điều trong cuộc sống là những biểu hiện giải thích một cách dễ hiểu *mặt tinh thần* của con người.



Không chỉ có vật hoa đương thời, chúng ta còn có những bằng chứng về mặt tinh thần lâu đời của con người qua những dấu tích khảo cổ: *Đồ dùng hàng ngày, đồ dùng nghi lễ, chữ viết, tranh vẽ...*



Trống đồng cho lễ hội và đồ thờ đào được ở di chỉ Đông Sơn (Thanh Hóa)



Bằng chứng tinh thần chữ ghi trên mai rùa của Trung Hoa cổ (trái) và chữ của người Sumer (Iran cổ) viết trên đất và đem nung (phải)



Tranh Đông Hồ (Thuận Thành, Bắc Ninh)

Mặt tinh thần của con người có khi bộc lộ ra ngoài, có khi nằm chờ chưa chịu bộc lộ, có khi không chịu bộc lộ.
Tại sao có điều đó?

Tại vì khi đem phân tích mặt tinh thần của con người, ta sẽ thấy nó gồm có ba phần: tiềm thức - tiền ý thức - ý thức.

Chúng ta sẽ biểu diễn ba phần đó bằng Hình A (tiềm thức) như một chốn sáng tối mù mờ, Hình B (tiền ý thức) như một chốn ánh sáng đang đến, và Hình C (ý thức) như một chốn bừng sáng chói lòa cả bên ngoài và bên trong con người.

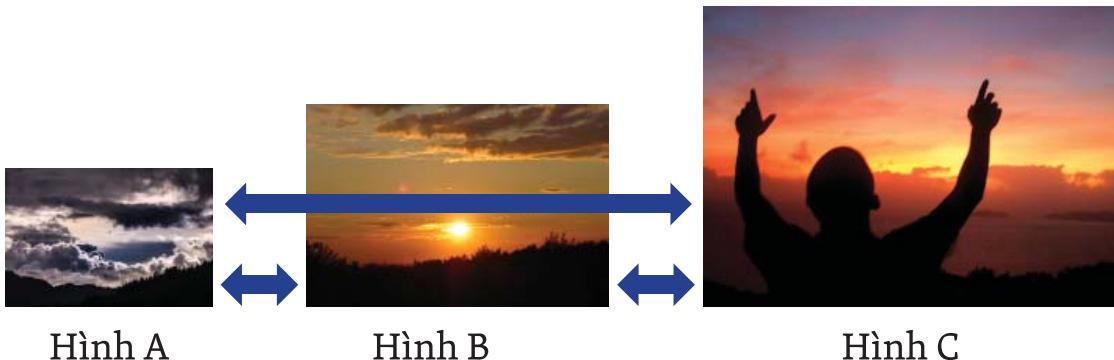


Nếu căn cứ hình ảnh trên, ta cảm thấy con đường hình thành ý thức có vẻ như đi tuần tự từ A tới B rồi tới C. Điều đó không sai.

Nhưng không phải hoàn toàn như vậy.

Thực sự thì, ngay từ khi còn ở A có khi con người đã mơ hồ thấy B và khi đã đạt tới giai đoạn B thì có khi vẫn còn vương vấn những ảnh hưởng của A.

Nên việc biểu diễn như sau có lẽ gần với sự thật hơn:



Khi đi vào phân tích từng phần của sự hình thành ý thức, chúng ta sẽ càng nhận rõ hơn ý nghĩ của những biểu tượng trên.

1. Tiềm thức

1.1. Giảng nghĩa từ

Từ *tiềm thức* được cấu tạo bởi hai phần *tiềm* và *thức*.

“*Tiềm*” theo từ điển Hán Việt có nghĩa là *chìm*. Người Trung Hoa gọi tàu ngầm là *tiềm thủy đĩnh* tức là cái tàu nằm chìm dưới nước được, mắt thường không ai nhìn thấy.

Cũng theo nghĩa đó, *tiềm năng* là những khả năng bị chìm không ai thấy và do đó chưa biết khai thác. Ví dụ: Ta vẫn nói “Còn nhiều tiềm năng du lịch chưa biết khai thác”. Hoặc ta nói “Học sinh Lớp 5 có nhiều tiềm năng trí tuệ nên cần thay đổi cách học phù hợp cho các bạn đó giỏi hơn nữa”.

1.2. Định nghĩa

Vậy *tiềm thức* là gì?

Tiềm thức là những điều chưa phải là ý thức còn nằm chìm trong đầu óc con người không bộc lộ ra.

Những điều chưa phải là ý thức đó trong con người có thể là sự *thèm muốn*. Nhưng con người ấy tuy thèm muốn mà không biết vì sao thèm và không biết cách nào thỏa cái thèm – tức là *chưa có ý thức* về cái thèm muốn đó. Cái thèm muốn đó *nằm chìm* trong đầu óc con người.

Đôi khi cái thèm muốn của con người lại khiến ta xấu hổ. Khi đó, con người không những không muốn lộ ra, mà mỗi khi nghĩ đến điều mình thèm muốn, sẽ cố ý nhấn chìm nó đi. Và nó sẽ không chịu mất đi, mà cứ *nằm chìm* lại trong đầu óc con người.

1.3. Giác mơ

Những điều nằm chìm có ý hoặc không có ý đó sẽ hiện ra trong nhiều dịp, nhưng hiện ra và gây sợ hãi cho con người qua những *giác mơ* và qua những *hành vi bất ngờ* thường là sai (vì không có ý thức).

Những điều mình thèm muốn và nhấn chìm đi bỗng hiện lại trong giấc mơ và thường biến dạng khiến ta lo sợ.

Khi biết con có giấc mơ xấu (hết lên khi ngủ chẳng hạn) hoặc khi kể cho mẹ nghe về giấc mơ xấu, các bà mẹ thương con nhưng thiếu hiểu biết sẽ dùng mèo để chữa. Một trong những cái mèo đó là giắt con dao dưới chiếu ở đầu giường mỗi khi đi ngủ...

Nhưng mèo theo kinh nghiệm đó không giải quyết được vấn đề lo sợ của đứa trẻ. Chỉ khi người con có ý thức về việc tại sao mình có giấc mơ xấu, khi đó mọi sự sẽ êm đẹp, giấc mơ xấu sẽ dần hết.

Nhưng nếu các giấc mơ cứ tiếp tục quấy rối thì sao?

Thì cũng vẫn chữa chạy bằng việc có ý thức về nguyên nhân vì sao có những giấc mơ đó.

1.4. Hành vi bất ngờ

Có nhiều khi tiềm thức bộc lộ ra thành những hành vi bất ngờ không ai mong muốn – mà ở lứa tuổi học trò, đó thường là chuyện nổi nóng đánh bạn, hoặc lấy trộm đồ của bạn...

Việc đánh bạn có thể do cù *nhấn chìm* những thèm muốn do những nguyên nhân không hiểu nổi nên không nói ra được: thấy bạn xinh đẹp, thấy bạn giàu có, thấy bạn nghèo mà học giỏi, thấy bạn được nhiều người yêu quý...

Cách xử lý với những trường hợp này là *cùng lao động* – tập trung vào một điều tích cực thì hết tiêu cực. Đồng thời phải khoan dung, không “thi hành kỷ luật”, không xa lánh bạn có hành vi sai...

Chúng ta hãy thử điều tra một “tội phạm” đã từng đánh bạn. Sau một thời gian, hãy hỏi xem bạn đó có nhớ tới “vụ phạm tội” kia không. Chắc chắn bạn đó không nhớ. Hoặc có nhớ thì cười trừ rất dễ thương vì không trả lời được.

Còn việc lấy trộm đồ của bạn mình? Cái nguyên nhân bị *nhấn*

chỉm có thể là sự ganh ghét – lấy của nó, vứt đi, cho bõ tức. Tại sao tức? Không biết! Có bõ tức không? Cũng không biết nốt! Thời gian và việc làm tích cực sẽ xóa hết.

1.5. Ai cũng nên ghi nhớ

Trẻ em không có tội!

Trẻ em không bao giờ phạm tội!

Vì trẻ em không có ý thức phạm tội!

Nhà trường cần làm gương cho xã hội trong việc xóa bỏ mọi hình thức trừng phạt trẻ em vì bất cứ lý do gì.



*Em học – Em nghỉ –
Em làm. Cùng học
Cùng nghỉ – Cùng
làm*



*Làm chung một
điều tích cực – cùng
học, cùng sống,
cùng chia sẻ vui
buồn...*

2. Tiền ý thức

2.1. Định nghĩa

Tiền ý thức – giai đoạn trước khi có ý thức – ở con người chính là giai đoạn con người *tự học bằng phản xạ và bắt chước* trước khi sang giai đoạn học có ý thức.

Giai đoạn học có ý thức được bắt đầu với tuổi lên 6 khi trẻ em vào Lớp 1.

Điều đó có nghĩa là giai đoạn tiền ý thức được bắt đầu từ khi em bé chào đời cho đến khi đủ tuổi học Lớp 1 theo luật định và tâm lý của em nhỏ đủ chín để tự mình tham gia việc *học có phương pháp* và tự tích lũy kiến thức tạo nên *trí tuệ riêng* của mình.

Xác định điều này rất quan trọng để các bạn học sinh Lớp 5 tự nhìn lại con đường hình thành trí tuệ người của mình.

2.2. Học bằng phản xạ

Trẻ em mới sinh ra, ngay từ độ tuổi 1 phút, đã bắt đầu “tự học” cách bú mút. Đó là một phản xạ được di truyền lại. Nhưng dần dần, vì thực hành phản xạ đó mà em bé hết khát, hết đói, nên nó ngủ yên.

Em ăn no xong lại được mẹ ôm áp nén phản xạ của bé càng được củng cố thành phản xạ có điều kiện. Có khi chỉ một tiếng động quen thuộc của mẹ (hoặc bất kỳ tín hiệu gây kích thích nào đó) em bé cũng chờ đợi bữa ăn của mình.

Khi đó, có thể em bé sẽ cất tiếng khóc. Nhưng đừng nghĩ là em bé hư – em đã có cách nào khác để biểu lộ nhận thức của mình đâu? Dần dần, em sẽ có những cách diễn đạt khác: nở nụ cười, huơ tay, và có thể cũng lại khóc... khóc như một cách biểu đạt!

Các bạn đều đã qua giai đoạn học bằng phản xạ như vậy. Bây giờ việc ôn lại cách học đó chỉ để thấy *mặt tinh thần* của con người không ra đời đột ngột mà nó hình thành dần dần.

2.3. Học bằng các giác quan

Các bạn hãy nhớ lại sách *Khoa học Lớp 1* bài về công việc *quan sát* của nhà khoa học. Khi đó, các bạn đã tập dùng các cơ quan cảm giác của mình thành các *công cụ* phục vụ cho việc quan sát.

Các em bé mới ra đời chưa có các công cụ đó. Chính các em sẽ tự tạo ra các công cụ là năm giác quan đó.

Mắt nhìn, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, tay sờ... Năm giác quan đó hình thành nhịp nhàng cùng với nhau. Nhưng để tiện cho các bạn nghiên cứu, chúng ta sẽ xem xét lần lượt cách em bé trong khoảng một hai năm đầu đời đã học cách dùng các giác quan đó như thế nào.

Nguyên tắc của việc học đó gói trong câu này: *Em bé dùng cơ quan giác quan của mình thì em bé sẽ dần dần nhận ra mình có cơ quan giác quan đó – đó chính là khái niệm tự tạo ra công cụ vừa nói bên trên.*

Chúng ta bắt đầu bằng hai bàn tay em bé.

Ban đầu, bàn tay của em là cục thịt. Vì nó không biết sờ, cầm, nắm. Nó như cục sắt chưa rèn thành con dao.

Khi mẹ cho bé bú, em bắt đầu dùng tay sờ ti mẹ. Dần dần, bé sẽ sờ má mẹ khi mẹ “hỏi chuyện” em. Rồi nó mút ngón tay, và vì phản xạ mút đó mà nó biết là nó có ngón tay. Có lúc nó nhét cả nắm tay vào miệng mà không nổi và nó khóc. Yên tâm! Em bé đang học để biết mình có một nắm tay. Có lúc bé nằm ngửa và cầm hai chân đưa lên miệng mút. Đừng sợ bẩn! Hãy để các em học. Chân và tay các em còn sạch lắm.

Hãy lợi dụng việc học đó mà đưa cho bé bình sữa. Bé sẽ tập cầm bình sữa và tu và sẽ hả hê nhận ra có cách mút chân và mút tay ngon hơn!



Sau này, em bé còn đưa nhiều vật khác lên miệng mút. Khi đó hãy cẩn thận gỡ những đồ vật nguy hại. Nhưng hãy tôn trọng người học trò bé bỏng ấy. Đừng mạnh tay, đau các em.

Các em đang học đấy! Học như thế nào? Khi biết cầm và nắm một vật để đưa vào miệng mút các em tự học được rằng ta có bàn tay. Nhưng biết cầm và nắm, đó vẫn chưa là bàn tay hoàn thiện. Khi nào biết bóc kẹo, em bé sẽ học được rằng nó có hai ba ngón tay! Khi biết cầm thìa tự xúc và nhất là biết cầm đũa, các em sẽ biết mình có năm ngón tay khéo léo.

Mô tả bằng lời các việc học đó thì nhanh. Nhưng con đường đi từ hai tay tự bê bình sữa đến khi biết cầm đũa là cả chặng đường dài trong đó *mắt nhìn, tai nghe, mũi ngủi, miệng nếm* đều hòa nhịp với thao tác của đôi bàn tay.

Để đi từ chõ không có gì đến chõ có một bộ công cụ mang tính người!



2.4. Giác quan và tình cảm

Khi chúng ta nói các cơ quan giác quan là những *công cụ* thì nghe có vẻ khô khan quá!

Thực ra công cụ đó cũng là nguồn tạo ra tình cảm. Tình cảm với mẹ khi bé sờ thấy mẹ và quen ngủi được hơi mẹ, tai em quen nghe cả tiếng nói ấm áp của mẹ. Tình cảm với bà khi bé nhìn thấy bà và được bà “hỏi chuyện”. Tình cảm với ba khi ba chìa đôi cánh tay đón bé mỗi buổi chiều. Tình cảm với người anh trai hoặc chị gái khi anh chị vừa

đi học về đã vội quăng cặp sách đó và nhao vào ngủi mùi thơm sữa mẹ ở miệng em mình - đích thực em của mình.Các bạn nhìn hình bên và sẽ cảm nhận tình cảm của hai anh em nhờ bộ công cụ giác quan.



2.5. Chuẩn bị vào Lớp 1

Rồi bé chuẩn bị để vào Lớp 1, là bước khởi đầu của việc học có ý thức.

Chuẩn bị cho cơ bắp cứng cáp, để có thể tung tăng đi một mình đến trường với thầy cô và bạn bè, đến với một cuộc đời hoàn toàn mới, hoàn toàn khác với cái nôi gia đình. Cơ bắp cứng cáp còn có tác dụng thực tế là biết cầm bút, cầm phấn, xóa bảng, quét lớp, kê bàn ghế...



Muốn cơ bắp bé vững vàng,
đừng bế ẵm nhiều, mà nên để bé
được tự mình đi lại. Ngã vài ba lần
chẳng sao. Ngã thì tự đứng dậy.
Đừng xúyt xoa thương hại làm bé
quen coi ngã là đáng sợ.



Chuẩn bị cho bé nói thật sõi để đến trường đủ sức chính thức học phát âm tiếng mẹ đẻ (có khi cả tiếng nước ngoài).

Đừng vì âu yếm mà nhại giọng nói ngọng của bé. Khi bé tập nói, cần dạy luôn cách phát âm đúng. Nói “ăn cơm” là ăn cơm chứ không là ăn chơm hoặc ăn tơm.

Chuẩn bị cái bộ công cụ gồm các giác quan đã được rèn giữa tinh tường – để học quan sát, để bắt đầu không chỉ học kiến thức, mà học suy nghĩ, học xét đoán, học cách tư duy người.

Từ biệt hẳn cách học bằng bắt chước ở giai đoạn năm sáu năm đã qua, nên nhớ rằng giai đoạn bắt chước đã giúp bé có vốn ngôn ngữ đủ sõi. Bắt chước cũng giúp bé có những hành vi cư xử lễ độ phù hợp với chuẩn mực xã hội.

Nhưng bắt chước cũng chỉ để em bé đủ nhanh nhạy để làm lại những *thao tác* học do cô giáo làm mẫu và nhận ra những điều chưa từng có bắt đầu với Lớp 1.

Vậy là đã qua giai đoạn *tiền ý thức* của một con người như tất cả mọi con người bình thường. Em đã sẵn sàng để trở thành học sinh Lớp 1, bắt đầu cuộc đời đi học *có ý thức*.

3. Ý thức

3.1. Định nghĩa

Ý thức là việc con người biết rõ mình làm việc gì, mình làm việc đó như thế nào, và làm để đến kết quả gì.

Cách định nghĩa này đi theo phương pháp định nghĩa bằng việc làm. Cách định nghĩa này áp dụng ở nhà trường ngay từ Lớp 1 sẽ giúp trẻ em dễ học, học giỏi.

Lấy ví dụ từ việc học môn *Tiếng Việt* ở Lớp 1. Đó là việc mà chính các bạn đã trải qua nên sẽ càng hiểu rõ hơn.

Một em bé ba tuổi lấy kính của ông nội ra chơi trò đọc sách. Em đeo kính và giở quyển sách ra ngồi đọc sách như người lớn. Đó là *tiềm thức* thèm được đọc sách của bé. Có thể ban đêm bé mơ thấy mình ngồi đọc sách như vậy! Đến 4 hoặc 5 tuổi, tuy chưa đi học, nhưng bé có thể bắt chước người lớn mà đọc được một số tiếng, có khi còn đọc được cả câu trong cuốn *Tiếng Việt Lớp 1* của chị hoặc anh. Em bé đã đọc được theo cách bắt chước của giai đoạn *tiền ý thức*.

Có những khi nhà trường dạy học sinh học đọc và viết tiếng Việt theo lối *tiền ý thức* đó và thành công. Nhưng nếu học theo lối *có ý thức* thì thành công sẽ chắc chắn hơn, và cái ý thức từ việc học một môn học sẽ ảnh hưởng sang ý thức học các môn khác.

3.2. Ý thức nhận nhiệm vụ học tập

Vào lớp học, có thời khóa biểu, thế là đủ để biết hôm nay tiết nào học môn gì. Như vậy đã là cơ sở ban đầu cho việc học có ý thức.

Sách Cánh Buồm đòi hỏi cao hơn nữa. Đòi hỏi một ý thức cao hơn nhưng không thông qua lời khuyên mà qua thực tiễn công việc học.

Nó thể hiện ra trong cách tổ chức học *một tiết học* và cách học *một bài học* và trong cách tổ chức toàn bộ các bài học thành *một hệ thống* tiếp nối.

Trước hết là cách học một tiết học. Một tiết học tạo ý thức học luôn luôn bao gồm ba việc làm: (1) Ôn cái đã biết và nêu bài toán mới; (2) Giải bài toán mới, luyện tập nhanh; (3) Tự sơ kết, tự ghi vở và dự đoán tiết học sau sẽ học gì.

Việc thứ nhất, Ôn cái đã biết diễn ra như thế nào để việc học có ý thức? Việc ôn cái đã biết khác với việc kiểm tra đầu tiết học để lấy điểm. Có học sinh không thuộc bài nhưng lọt lưới kiểm tra. Còn việc ôn cái đã biết của cách học có ý thức là giúp cho cả lớp nhận rõ ta đã biết những gì (không chỉ từ tiết học trước) để có cơ sở nhận ra bài toán mới đặt ra cho tiết học đang diễn ra.

Trong việc ôn cái đã biết, học sinh biết nhận ra bài toán mới chính là biết nhận *nhiệm vụ học tập* của tiết học đang diễn ra.

Việc thứ hai, *Giải bài toán mới* chính là thể hiện ý thức về phương pháp dùng cái đã biết để tự học cái mới.

Việc thứ ba, *Tự sơ kết tự ghi* vở chỉ riêng tên gọi đã thể hiện cách tổ chức việc học có ý thức cho người học.

Cách tổ chức việc học một tiết học bằng ba việc làm như đã nói dẫn đến tổ chức các *tiết học trong một bài học* cũng như cách tổ chức các *bài học trong một môn học*. Đó chính là tính hệ thống như một dây chuyền sản xuất và lắp ráp sản phẩm ở một nhà máy.

Công việc sản xuất đó nhất thiết diễn ra qua các việc làm và thao tác.

3.3. Việc làm và thao tác

Lấy ví dụ từ việc học *Tiếng Việt Lớp 1* từ tiết học đầu tiên, cách học có ý thức sẽ diễn ra bằng *việc làm và thao tác* như sau:

Việc làm: Em có nhiệm vụ phải tìm ra *số tiếng trong một câu nói*.

Thao tác: Em phải biết cách dùng ba thao tác *phát âm - phân tích - ghi và đọc* để thực hiện việc làm đã được giao. Phát âm để có ý thức mình dùng *vật liệu* gì. Phân tích để có ý thức từ vật liệu đã cho (câu nói) tạo ra sản phẩm mới (có bao nhiêu tiếng).

Đừng nghĩ cứ ra lệnh cho học sinh “phát âm” đi là em làm theo được. Như thế vẫn là bắt chước chưa có ý thức. Ngay *thao tác phát âm* là gì cũng phải học có ý thức. Nói là nói theo lối nói nǎng riêng, có em nói lí nhí, có em lát tát, có em nói rành rọt nhưng vẫn chưa hiểu thế nào là *phát âm*.

Chúng ta ghi lại vắn tắt như sau cho dễ hiểu: Tập phát âm, phân tích và ghi lại *số tiếng* trong một câu nói:

Em nói liền mạch tùy theo thói quen nói nǎng *Cháu-chào-bà-cháu-di-học*.

GV làm mẫu cho em *phát âm* rành rọt từng tiếng *Cháu chào bà cháu đi học.*

GV làm mẫu cho em *phân tích* ra thành tiếng // / / / /

Em tự ghi lại từng tiếng của cả câu nói đó o o o o o o

Em đọc để kiểm tra xem em ghi có đủ số tiếng không.

Chỉ qua một ví dụ này, chúng ta thấy việc *học có ý thức* dẫn đến việc áp dụng sang tất cả các bước học *Tiếng Việt Lớp 1* khác.

3.4. Hệ thống việc làm

Chỉ lấy riêng từ việc học môn *Tiếng Việt Lớp 1* có những việc làm kế tiếp nhau, không thể tùy tiện thay đổi trật tự, như sau:

- (1) Thao tác học Ngữ âm tiếng Việt.
- (2) Lời nói tách thành các tiếng.
- (3) Các tiếng khác thanh.
- (4) Một tiếng có hai phần.
- (5) Tiếng có phần vẫn là một nguyên âm - mẫu tiếng [ba]
- (6) Tiếng có phần vẫn có âm đệm - mẫu tiếng [loa]
- (7) Tiếng có phần vẫn có âm cuối - mẫu tiếng [lan]
- (8) Tiếng có phần vẫn có đủ các âm - mẫu tiếng [loan]
- (9) Các luật chính tả:
 - Luật chính tả bắt buộc ghi âm đầu [k] bằng chữ c, k và âm đầu [g]. và [ng] bằng chữ gh, ngh trước nguyên âm [e] [ê] [i].
 - Luật chính tả bắt buộc ghi âm đầu q trước vẫn có âm đệm [w].
 - Luật chính tả theo nghĩa.
 - Luật chính tả ghi nguyên âm đôi.

Thực hiện hệ thống việc làm trên để học tiếng Việt ở Lớp 1 tạo ra ý thức ngữ âm học đồng thời với năng lực tự ghi và tự đọc tiếng Việt. Cách học có ý thức thay thế hoàn toàn việc học theo cách bắt chước chỉ nhằm xóa nạn mù chữ.

Luyện tập cuối bài

Thảo luận

1. Tìm ví dụ chứng minh *tiềm thức* là gì? Hãy chia sẻ với nhau về một giấc mơ mình từng gặp. Phân tích giấc mơ đó xem nó thể hiện điều mình thèm muốn như thế nào?
2. Tìm ví dụ có thật về những biểu hiện của giai đoạn thích bắt chước của con người. Bạn có thấy những biểu hiện đó ở trẻ em là đáng yêu không? Bây giờ khi chính bạn đã có ý thức đó là giai đoạn *tiền ý thức* ở người, bạn có còn yêu trẻ em theo cách cũ nữa không? Tại sao lại có thể yêu hơn khi hiểu các em hơn?
3. Tìm ví dụ về việc bạn hình thành ý thức về các khái niệm sau - mỗi bạn chọn nói về một đề tài: *Luật chính tả, phương pháp đọc thảm, tín hiệu, từ thuần Việt, từ ghép, từ Hán-Việt, động từ, danh từ, tính từ, đoạn văn.*
4. Có thể có một người học thuộc toàn bộ cuốn từ điển tiếng Việt hoặc từ điển Anh-Việt không? Bạn có cần học thuộc như vậy không? Vì sao?
5. Bạn đã học có ý thức các môn học khác như thế nào?
6. Khi bạn chết đi, bạn muốn được mọi người nhớ đến bạn là một người ăn khỏe, một người béo phì, một người nặng bằng một con bò... hay một người kiểu khác?

Viết tiểu luận

Chọn viết theo một trong những đề tài đã thảo luận. Trình bày đề tài trước lớp trong hội thảo có tên do các bạn cùng chọn thể hiện tinh thần bài học mới này.

BÀI 5

MỤC ĐÍCH VÀ LÝ TƯỞNG

Qua những bài đã học, chúng ta nhận ra một điều quan trọng này: Ý thức người sinh ra từ hành động của chính con người. Diễn đạt theo cách khác, có thể nói như sau, bằng hành động của mình con người đã tạo ra ý thức người cho mình.

Điều đó lại cho chúng ta rút ra một kết luận như sau: Ý thức người không phải là điều để nói ra, mà đó là hành vi và lối sống của một thực thể người trọn vẹn.

1. Ý thức về mục đích sống

Sống trên đời này để làm gì?

Các bạn đừng nghĩ sách này đòi hỏi bạn có những mục đích cao cả trong cuộc đời này nhé!

Các bạn hãy cùng làm một cuộc điều tra nho nhỏ như sau. Hãy hỏi cha mẹ, ông bà mình xem ông bà và cha mẹ sống vì mục đích gì. Kết quả điều tra có thể khiến các bạn khó nghĩ. Các bạn sẽ thấy nhiều người thân của mình sống không có mục đích.

Tại sao?

Có hai lý do.

Một là, phần lớn con người đều có một mục đích gì đó trong cuộc sống, nhưng họ không hoàn toàn có ý thức về điều đó.



Hai là, phần lớn mục đích trong cuộc sống của con người không có ngay từ ban đầu mà hình thành dần trong quá trình họ sống. Có những *cơ may* khiến con người nhận ra mình đang làm gì và làm vì mục đích gì.

Nhưng đây là điều quan trọng: Nếu bạn sống *hết mình* thì dần dần bạn sẽ có ý thức về mục đích sống của mình. Hãy ngẫm nghĩ về điều đó và chúng ta còn có dịp quay lại trong sách này.

2. Những mục tiêu ngắn hạn

Chính những mục tiêu ngắn hạn mới là điều quan trọng để chúng ta hình thành dần mục đích cuộc sống.

Mục tiêu có thể ví như những chặng đường ngắn khi chúng ta leo núi. Leo núi mệt và khó lăm, chứ không dễ dàng như trong tưởng tượng. Nhiều người bỏ cuộc dở chừng. Nhiều người muốn bỏ cuộc nhưng cố gắng đi cho tới đích. Những người không bỏ cuộc sẽ đặt ra từng mục tiêu nhỏ, ví dụ như, cố đi đến cái bụi cây kia rồi sẽ dừng lại thở rồi đi tiếp. Đến một lúc nào đó, sự nỗ lực trong từng mục tiêu nhỏ sẽ thành thói quen. Con người sẽ đến đích mà không cần cố gắng.



Đi lộ trình, dừng lại lấy mẫu

Những kỹ sư và công nhân địa chất khi làm công việc có tên là đi lộ trình phải đi bộ cả tháng, cả năm - đó là những người đã đạt tới trình độ sống mà không cần cố gắng.

Khi nào thì một con người biết đặt ra những mục tiêu phải đạt trong công việc, trong cuộc sống? Khi có ba điều kiện sau: (1) Bạn biết bạn cần gì; (2) Bạn biết bạn thiếu gì; (3) Bạn biết mình đang sống và làm một điều có ích.

Đây là một ví dụ. Bạn biết mình có tính nhút nhát. Ngay ở trong lớp học, nhiều khi bạn muốn tham gia với các bạn vào một việc làm chung, nhưng cứ chần chừ, cho đến lúc các bạn làm xong và vỗ tay reo vui, bạn mới chợt thấy là mình chưa tham gia.

Điều bạn thiếu là có một phương pháp khắc phục tính e dè nhút nhát. Nhiều tài liệu khuyên chúng ta những điều giản dị mà bổ ích như thế này. (1) Hãy nhớ câu châm ngôn sau: *Không ai tập bơi trên ghế nệm cả*. Nghĩa là gì? Là phải hành động để khắc phục điểm yếu của mình. (2) Hãy rèn luyện sự bình tĩnh, mà một trong những “bài tập” rất đơn giản mà hiệu quả là *thở sâu*. Hãy thở sâu trước khi làm một việc. Hãy thở sâu trước khi lao vào tham gia cùng bè bạn... (3) Hãy tiếp nhận một cách giản dị lời khen của bạn, của giáo viên, của bất kỳ ai thấy thích bạn.

Các bạn hãy cùng thực hành đặt mục tiêu chung cho cả lớp tháng này đạt mục tiêu gì – những mục tiêu thiết thực (phát âm đúng tiếng Anh, ăn cơm không đổ vãi, đi học đúng giờ...). Và hãy đặt mục tiêu riêng cho chính mình với những mục tiêu nhỏ và đơn giản. Làm đi!

Nhưng hãy cẩn thận, khi bắt tay vào việc chúng ta sẽ gặp những điều bất ngờ liên quan đến tính nết, tính cách của con người.

3. Tính nết con người

Khi đã có mục tiêu phải đạt, lúc đó chúng ta sẽ gặp một vấn đề rất thú vị, đó là *tính nết con người* trong chúng ta. Tính nết người sẽ liên

quan đến việc thực hiện mục tiêu (và do đó là con đường đi đến mục đích). Chúng ta cần biết để tự soi vào và tự xử lý.

Kiểu tính nết gì đây?



3.1. Đầu tiên hãy kể đến loại người gọi bằng từ Hán Việt là *tự kỷ trung tâm*. Đặc điểm của người tự kỷ trung tâm là không để ý đến mọi người và mọi việc xung quanh. Thái độ thường trực là sự bảo thủ, ghét thay đổi (và chỉ thích mọi sự thay đổi theo riêng ta đây thôi). Người tự kỷ trung tâm vẫn chú ý nhận xét những người và việc xung quanh, nhưng không nói nhận xét ra, vì coi chẳng ai bằng mình, kệ thiên hạ, mình chỉ biết mình thôi. Nhưng bạn này học thường giỏi.

3.2. Ngược lại với người tự kỷ trung tâm là loại người *nhiệt huyết*. Người nhiệt huyết lúc nào cũng có bầu “máu nóng” sôi sục, có việc là muốn làm ngay, và làm nhanh mọi chuyện. Người có bầu máu nóng dễ cãi nhau với bạn, nhưng không hay để bụng, cãi nhau xong thì thôi, không giận nhau. Có một đặc điểm nữa là bạn này ăn khỏe,

uống nhiều, ngủ cũng khỏe nữa. Bạn này học giỏi thất thường, kết quả không chắc chắn.

3.3. Có một dạng ngược lại với người nhiệt huyết là *người lạnh nhạt*. Người nhiệt huyết thì khó có thể lạnh nhạt rồi, đúng thế. Nhưng ngay cả người tự kỷ trung tâm là cũng không đến nỗi lạnh nhạt như kiểu người chúng ta vừa gặp. Nét mặt người lạnh nhạt không đổi khi gặp mọi biến cố. Người lạnh nhạt hiếm khi cười, lại càng không bao giờ cười phá lên như người nhiệt huyết.

3.4. Còn có loại người nữa là *người mơ mộng*. Kiểu tính nết người này là lảng mạn, luôn luôn bị coi là “ở trên Mặt trăng” hoặc luôn luôn nghĩ đến Mặt trăng xa xôi hơn là mặt đất của mình. Người mơ mộng có bề ngoài hơi giống người lạnh nhạt nhưng thực ra cũng có thể hành động rất nhiệt huyết.

3.5. Như thể ngược với người mơ mộng là *người thực dụng*. Người này hành động khi có lợi rõ rệt. Người này không mơ mộng nhưng lại suy nghĩ nhanh về những điều lợi hại trong cuộc sống. Ngược với người nhiệt huyết là kiểu người “ồn ào”, vô tư vui đùa chầu đáy, người thực dụng có thể ồn ào vui vẻ nhưng phải có lợi.

3.6. Bên ngoài gần với người mơ mộng là *người suy tư*. Người này có vẻ lạnh lùng nhưng lại hay nghĩ ngợi nhiều điều không chỉ cho cá nhân mình, mà nghĩ về những chuyện viển vông không khác mấy với người mơ mộng nhưng có nhiều khi có giá trị thiết thực. Thiết thực nhưng không thực dụng.

4. Lý tưởng sống

Cũng như với vấn đề *Mục đích sống*, sách này không dám áp đặt các bạn hãy có một *Lý tưởng sống*.

Sách này chỉ đưa tới các bạn những khái niệm và dùng cách để

các bạn có thể khám phá *ngay trong bản thân mình* và mở rộng sang một xã hội thu nhỏ như một lớp học để dễ dàng khám phá sang “xã hội”.

Tại sao chỉ là vấn đề *Người* mà phải khám phá bản thân rồi khám phá cả sang xã hội?

Tại vì con người không thể sống một mình mà nó phải sống trong xã hội. Mà trong xã hội thì con người rất đa dạng, mỗi con người có cuộc sống cá nhân rất khác nhau, nhưng vì thế mà cuộc sống xã hội rất phong phú.

Bạn bị bắt buộc phải sống trong xã hội hệt như sinh ra đã thấy bố và mẹ. Chúng ta không ai có quyền chọn bố mẹ cả.

Lúc này chúng ta đứng trước hai vấn đề (hai khái niệm) là *Mục đích sống* và *Lý tưởng sống*. Mục đích sống là hoàn thiện dần con người riêng của bạn. Còn lý tưởng sống là đem con người riêng của mình dâng hiến cho xã hội – ở dạng đơn giản nhất là sống chung với những tính nết khác nhau.

Mục đích sống là trách nhiệm với bản thân, còn lý tưởng sống là trách nhiệm của bạn trong sự dần thay đổi xã hội. Đó là thực thể người trọng vẹn của bạn cũng như của mọi con người.

Luyện tập và tự sơ kết

Điều tra lấy số liệu

1. Tự đặt ra bộ câu hỏi rồi tiến hành điều tra về mục đích sống của người thân (trong gia đình, các thầy giáo và cô giáo, các anh chị học sinh lớp lớn) theo chủ đề “Mục đích sống hình thành như thế nào?”.
2. Cũng tiến hành như trên với chủ đề “Lý tưởng sống hình thành như thế nào?”.

Thảo luận

1. Mục đích sống hình thành dần dần trong mỗi con người như thế nào? Dùng trải nghiệm riêng chia sẻ với các bạn về vấn đề này.
2. Có thể đòi hỏi thậm chí bắt buộc mọi con người đều phải có mục đích sống không? Có ai không có mục đích sống mà vẫn sống bình thường không?
3. Có một mục đích sống là điều dễ dàng hay khó khăn?
4. Con người có cần đến một lý tưởng sống không? Vì sao? Lý tưởng đó hình thành như thế nào? Có được một lý tưởng sống là điều dễ hay khó?

Viết tiểu luận

Mỗi bạn tự chọn một đề tài đã thảo luận và viết những suy nghĩ của mình

BÀI 6

TÂM LINH NGƯỜI

Đây là bài học quan trọng cuối năm gửi các bạn. Nội dung bài này là về *Tâm linh người*.

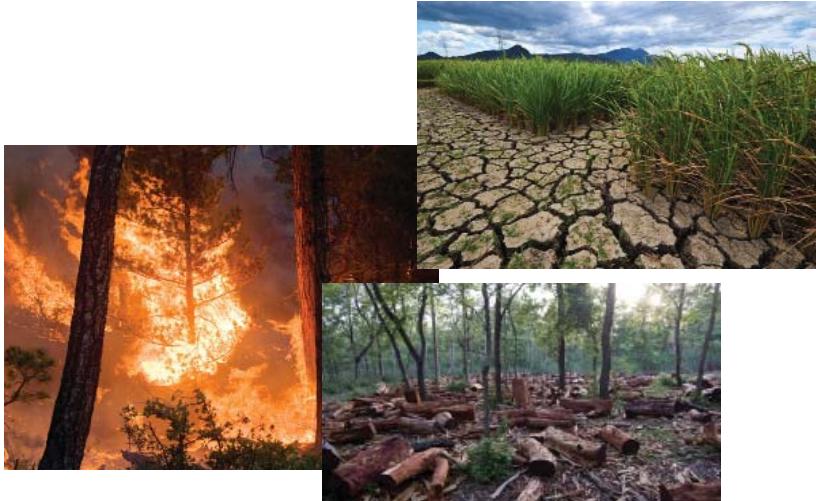
Từ đầu sách tới bài này, chúng ta đã xem xét và đã thấy con người là *một thực thể tinh thần*. Cái tinh thần con người nằm trong việc nó hành động có ý thức. Có ý thức với cơ thể nó. Có ý thức với sự phát triển trí tuệ của nó.

Sao bây giờ còn nói chuyện *Tâm linh*?

Chúng ta hãy cùng nhau lần lượt nghiên cứu từng việc một.

1. Vấn đề một: Thực vật bị cầm tù trong không gian sống

Thực vật không có tự do. Cháy rừng mà cây không chạy trốn. Lâm tặc phá rừng mà cây chịu đứng im cho chúng chặt. Hạn hán mà cây chịu chờ chết khát.



Trong ngôn ngữ có cách nói *sống thực vật* cũng có nghĩa là *sống vật vờ, sống không tích cực, sống như chết...*

2. Vấn đề hai:

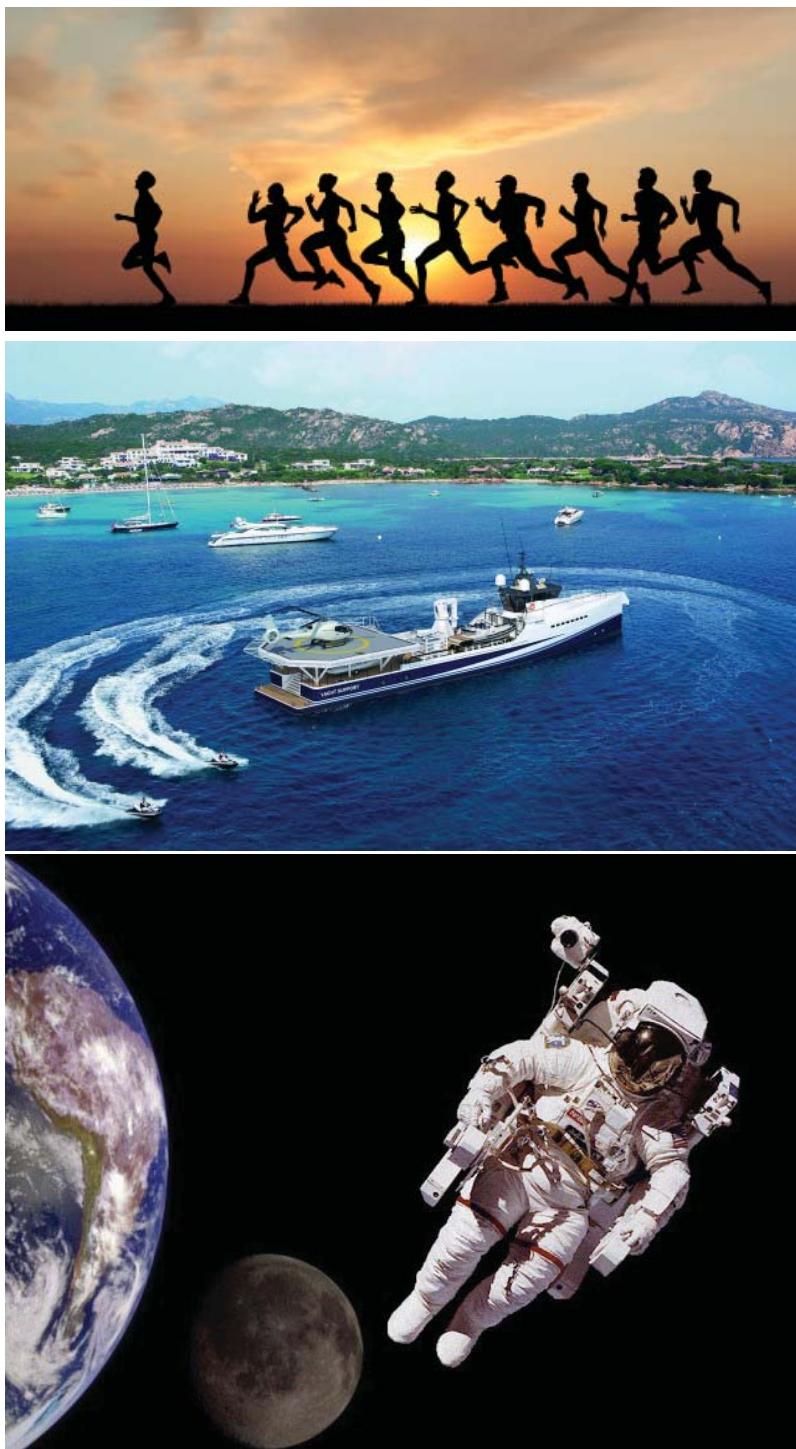
Động vật có không gian sống tương đối tự do

Động vật đã có tự do hơn thực vật. Nhưng cái tự do của con vật vẫn chỉ dừng ở trình độ di chuyển, chuyển động. Dù vậy, chúng vẫn không thể đi khắp nơi như ý muốn. Và chúng cũng chưa có trình độ tư duy để “có ý muốn” di chuyển. Chúng di chuyển theo vùng thức ăn. Động vật vẫn ở trình độ dùng sức mạnh cơ bắp và số đông bầy đàn.



3. Vấn đề ba: Trình độ người

3.1 Tự do tuyệt đối trong không gian



3.2. Tự do trong thời gian

**Không chỉ tự do trong không gian
TỰ DO TRONG THỜI GIAN
là tâm linh người**

Con người có ý thức về cuộc đời hữu hạn của mình. Con người có ý thức về điều nó gửi lại cho cuộc đời sau khi nó chết.

Gửi lại đơn giản như trồng một cái cây, dựng một ngôi nhà, viết một quyển sách, có một phát minh... những thành tích đó sẽ kéo dài sự sống sau khi chết của người tạo ra chúng trong thời gian.

**Đó chính là
TỰ DO TRONG THỜI GIAN
và đó là tâm linh người**

Cùng tham gia bài học: Viết lời trên bia mộ gửi tương lai

1. Của một người mà bạn yêu thích trên đời.
2. Của một nhà khoa học bạn yêu quý và kính trọng.
3. Của một nghệ sĩ bạn không bao giờ quên.
4. Của một giáo viên đã từng dạy bạn.
5. Của một người trong gia đình bạn sắp ra đi mãi mãi.

**Các tác giả tạm biệt và
cảm ơn các bạn đã học sách này**

MỤC LỤC

Cùng bạn dùng sách	3	
Lá thư đầu năm gửi các em học sinh Lớp 5	5	
Bài ôn tập	CÁCH HỌC MÔN KHOA HỌC.....	7
Bài 1	CÁC CÁCH TÌM KHÁI NIỆM NGƯỜI.....	17
Bài 2	NGƯỜI LÀ ĐỘNG VẬT BẬC CAO.....	22
Bài 3	MẶT VẬT CHẤT CỦA NGƯỜI.....	27
Bài 4	MẶT TINH THẦN CỦA NGƯỜI.....	35
Bài 5	MỤC ĐÍCH VÀ LÝ TƯỞNG.....	50
Bài 6	TÂM LINH NGƯỜI	57